



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán**

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	05 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10 - 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	12 - 26

3092  
CỔ  
PÁCH NH  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ K  
NA  
17-7

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21 tháng 03 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001711 ngày 14 tháng 07 năm 2003, thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 10 năm 2003, thay đổi lần 2 ngày 16 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0301248798 thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 06 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, lập dự toán, thi công xây dựng, các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế và dự toán;
- Giám sát thi công;
- Kiểm định chất lượng xây dựng cơ bản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện thép dùng cho ngành xây dựng (không sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim đúc trong khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Bảo Lộc tại số 157 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

Chi nhánh Bình Dương tại ấp Bà Tri, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Công ty con hợp nhất

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kết cấu thép Hưng Phú	Sản xuất, thương mại, xây dựng, dịch vụ	100%

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đăng Phan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Lữ Đình Huệ	Thành viên
Ông Lê Chí Chuân	Thành viên
Ông Hoàng Vũ Nhân	Thành viên
Ông Lê Đăng Chí Dũng	Thành viên

3884  
CÔNG TY  
KIỂM HƯC  
ĐU TƯ  
TH KẾ T  
EM TO  
M VIỆ  
P. HỒ





Số: 177/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2012*  
*của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 được lập ngày 25/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

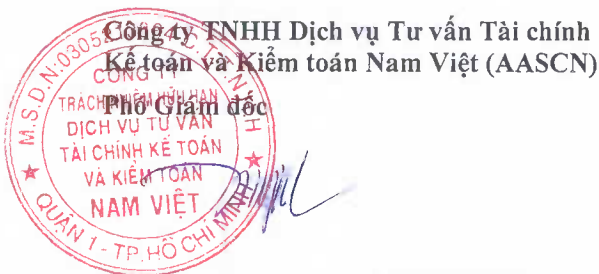
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Cao Thị Hồng Nga**  
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

**Lê Hồng Đào**  
Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>77.525.374.963</b>	<b>79.740.053.022</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>21.316.799.324</b>	<b>24.865.034.537</b>
1. Tiền	111		2.516.799.324	2.271.862.120
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.800.000.000	22.593.172.417
			-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
			-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>41.453.144.457</b>	<b>48.153.278.184</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.021.997.171	49.303.117.685
2. Trả trước cho người bán	132		3.228.724.804	712.198.547
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	121.967.941	57.507.411
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.919.545.459)	(1.919.545.459)
			-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.3	<b>14.212.364.454</b>	<b>6.421.711.407</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.004.567.968	7.207.989.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(792.203.514)	(786.277.641)
			-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>543.066.728</b>	<b>300.028.894</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		338.882.985	266.402.922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		167.896.736	725.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	15.387.007	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	20.900.000	32.900.000
			-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>42.559.273.390</b>	<b>42.085.714.944</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
			-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>42.524.273.390</b>	<b>42.050.714.944</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	32.906.304.653	32.195.534.407
- Nguyên giá	222		57.449.109.967	55.380.470.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.542.805.314)	(23.184.936.022)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	9.617.968.737	9.855.180.537
- Nguyên giá	228		11.047.750.257	11.047.750.257
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.429.781.520)	(1.192.569.720)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		35.000.000	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>120.084.648.353</b>	<b>121.825.767.966</b>

3805  
 C  
 TRÁCH  
 DỊCH  
 TÀI CH  
 VÀ  
 NA  
 171

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>38.300.078.852</b>	<b>38.589.209.254</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>38.300.078.852</b>	<b>38.569.986.034</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		17.272.220.992	13.111.105.249
3. Người mua trả tiền trước	313		1.454.453.107	470.186.450
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	2.758.552.111	3.509.517.935
5. Phải trả người lao động	315		2.270.501.756	5.498.913.770
6. Chi phí phải trả	316	V.09	6.041.390.638	758.539.575
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	6.357.514.879	8.718.052.390
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.11	1.812.173.355	5.653.909.521
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		333.272.014	849.761.144
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	<b>19.223.220</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	19.223.220
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>81.784.569.501</b>	<b>83.236.558.712</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.12	<b>81.784.569.501</b>	<b>83.236.558.712</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.805.300.000	48.805.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.742.892	294.704.894
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.038.152.909	28.835.440.527
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.939.373.700	3.794.180.265
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	1.506.933.026
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>120.084.648.353</b>	<b>121.825.767.966</b>

1389  
 CÔNG TY  
 THIÊM HI  
 VỤ TƯ  
 NH KẾ  
 KIỂM T  
 M VI  
 P HO



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

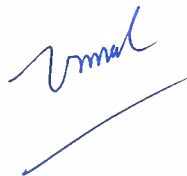
Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		85.982.532	85.982.532
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		59.787,78	21.038,62
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Diệp Thuận

Kế toán trưởng



Nguyễn Trúc Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

C. T. N.  
 U HAN  
 VAN  
 TOAN  
 AN  
 ET  
 CHI MINH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2012

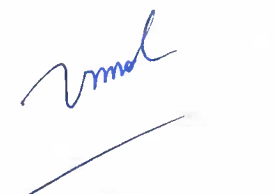
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.828.479.868	192.466.825.145
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.828.479.868	192.466.825.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.698.955.313	179.439.667.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.129.524.555	13.027.157.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.153.398.985	2.307.656.214
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.978.491	20.618.440
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	19.182.653
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.115.525.258	18.262.253.457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.841.580.209)	(2.948.058.041)
11. Thu nhập khác	31		7.786.766.528	12.248.813.521
12. Chi phí khác	32		72.182.667	169.612.841
13. Lợi nhuận khác	40		7.714.583.861	12.079.200.680
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.873.003.652	9.131.142.639
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	794.445.965	1.752.540.574
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.078.557.687	7.378.602.065
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	631	1.512

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Diệp Thuận

Nguyễn Trúc Mai

Nguyễn Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	96.930.168.576	182.964.812.474
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(59.053.116.081)	(121.276.548.966)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.032.544.487)	(51.474.615.997)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(19.182.653)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(459.861.587)	(2.044.578.636)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.254.452.327	14.140.886.593
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.238.415.622)	(20.437.281.044)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.400.683.126</b>	<b>1.853.491.771</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.791.260.003)	(1.889.860.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.050.000	6.446.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.547.353.372	2.038.999.949
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.242.856.631)</b>	<b>155.585.061</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	7.496.238.572
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(7.496.238.572)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.707.804.600)	(4.755.796.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.707.804.600)</b>	<b>(4.755.796.900)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.549.978.105)	(2.746.720.068)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.865.034.537	27.608.337.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.742.892	3.416.948
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.316.799.324	24.865.034.537

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Diệp Thuận

Nguyễn Trúc Mai

Nguyễn Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21 tháng 03 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001711 ngày 14 tháng 07 năm 2003, thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 10 năm 2003, thay đổi lần 2 ngày 16 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0301248798 thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 06 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Bảo Lộc tại số 157 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

Chi nhánh Bình Dương tại ấp Bà Tri, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Công ty con hợp nhất

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kết cấu thép Hưng Phú	Sản xuất, thương mại, xây dựng, dịch vụ	100%

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, lập dự toán, thi công xây dựng, các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế và dự toán;
- Giám sát thi công;
- Kiểm định chất lượng xây dựng cơ bản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện thép dùng cho ngành xây dựng (không sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim đúc trong khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

Các công ty con:

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các công ty liên kết và liên doanh (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tổng Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tổng Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của Tổng Công ty vượt quá khoản đầu tư của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tổng Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Tổng Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Trong năm 2012, Công ty thay đổi thời gian khấu hao so với năm trước làm cho chi phí khấu hao giảm so với năm trước ước tính là 1,7 tỷ đồng*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao năm nay và năm trước được ước tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	10-20 năm	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	05-49 năm	05 - 49 năm
- Phần mềm máy tính	10 năm	03 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí bảo hành sản phẩm được trích theo tỷ lệ từ 2% - 2,25%/doanh thu.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh toàn bộ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần, mua cổ phiếu hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

Các khoản dự trữ, các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều lệ của Công ty và được thông qua Đại hội cổ đông khi có đề nghị của Hội đồng quản trị.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng**

***Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ các hợp đồng giao nhận thầu thi công và lắp đặt được ghi nhận tại thời điểm ký biên bản nghiệm thu bàn giao với Chủ đầu tư và được căn cứ vào bản quyết toán giá trị hoàn thành. Trong trường hợp giá trị thực hiện không phát sinh ngoài giá trị hợp đồng thì giá trị hợp đồng chính là giá trị quyết toán. Trong những trường hợp cụ thể, doanh thu còn được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối Kế toán được Chủ đầu tư xác nhận. Hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư thanh toán theo hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất.

***Nguyên tắc ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng***

Chi phí từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận từ các chứng từ gốc thực tế phát sinh trong quá trình triển khai thi công hợp đồng xây dựng đó. Trong những trường hợp cụ thể chi phí có thể ghi nhận từ các khoản phải trả để tương ứng với nội dung công việc đã được quyết toán doanh thu trong kỳ.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	1.014.297.569	1.805.489.615
Tiền gửi ngân hàng	1.502.501.755	466.372.505
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN.Nam SG	102.475.856	1.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	4.356.643	-
- Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu VN - SGD1	152.083.432	27.180.128
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN.Nam SG (USD)	1.243.585.824	438.192.377
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	18.800.000.000	22.593.172.417
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	18.800.000.000	18.750.000.000
- Tiền gửi tự động kỳ hạn 1 ngày	-	3.843.172.417
<b>Cộng</b>	<b>21.316.799.324</b>	<b>24.865.034.537</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	121.967.941	57.507.411
<b>Cộng</b>	<b>121.967.941</b>	<b>57.507.411</b>
3. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.383.410.049	3.422.334.604
Công cụ, dụng cụ	159.148.859	40.403.736
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.462.009.060	3.745.250.708
Thành phẩm tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.004.567.968</b>	<b>7.207.989.048</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	792.203.514	786.277.641
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>14.212.364.454</b>	<b>6.421.711.407</b>

3884  
 NG T  
 HIỆM H  
 VỤ T  
 NH KẾ  
 IỂM T  
 M VII  
 P. HỒ

*BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	15.387.007	-
<b>Cộng</b>	<b>15.387.007</b>	<b>-</b>
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	20.900.000	22.900.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.900.000</b>	<b>32.900.000</b>

C.T.T.Đ  
HẠN  
VĂN  
TOÁN  
AN  
T  
CHI MINH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	27.208.461.492	20.440.401.732	6.604.068.069	1.127.539.136	55.380.470.429	
Số tăng trong năm	-	2.515.709.095	-	83.163.637	2.598.872.732	
- Mua sắm mới	-	2.515.709.095	-	83.163.637	2.598.872.732	
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	
Số giảm trong năm	-	109.523.809	383.740.160	36.969.225	530.233.194	
- Thanh lý, nhượng bán	-	109.523.809	383.740.160	36.969.225	530.233.194	
Số dư cuối năm	27.208.461.492	22.846.587.018	6.220.327.909	1.173.733.548	57.449.109.967	

**Giá trị đã hao mòn**

Số dư đầu năm	6.545.352.410	10.670.396.397	5.077.867.069	891.320.146	23.184.936.022	
Khấu hao trong năm	913.218.168	689.016.250	213.323.808	71.903.555	1.887.461.781	
Giảm trong năm	-	108.883.104	383.740.160	36.969.225	529.592.489	
- Thanh lý, nhượng bán	-	108.883.104	383.740.160	36.969.225	529.592.489	
Số dư cuối năm	7.458.570.578	11.250.529.543	4.907.450.717	926.254.476	24.542.805.314	

**Giá trị còn lại của TSCĐHH**

Tại ngày đầu năm	20.663.109.082	9.770.005.335	1.526.201.000	236.218.990	32.195.534.407	
Tại ngày cuối năm	19.749.890.914	11.596.057.475	1.312.877.192	247.479.072	32.906.304.653	

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.503.139.715 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	10.793.470.889	254.279.368	11.047.750.257
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.793.470.889</b>	<b>254.279.368</b>	<b>11.047.750.257</b>
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	1.172.390.352	20.179.368	1.192.569.720
Khấu hao trong năm	213.801.792	23.410.008	237.211.800
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.386.192.144</b>	<b>43.589.376</b>	<b>1.429.781.520</b>
<i>Giá trị còn lại của TSCĐVH</i>			
Tại ngày đầu năm	9.621.080.537	234.100.000	9.855.180.537
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.407.278.745</b>	<b>210.689.992</b>	<b>9.617.968.737</b>

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.145.552.100	2.154.230.898
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.608.377.943	1.273.793.565
Thuế Thu nhập cá nhân	4.622.068	81.493.472
<b>Cộng</b>	<b>2.758.552.111</b>	<b>3.509.517.935</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

9. Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản chi phí trích trước	6.041.390.638	758.539.575
<b>Cộng</b>	<b>6.041.390.638</b>	<b>758.539.575</b>
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn phải nộp	322.941.095	224.345.660
Bảo hiểm xã hội	77.879.069	10.815
Cổ tức phải trả	2.875.739.500	5.156.200.100
Phải trả tiền thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	3.045.343.171	3.322.878.855
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.612.044	14.616.960
<b>Cộng</b>	<b>6.357.514.879</b>	<b>8.718.052.390</b>
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự phòng bảo hành công trình	1.812.173.355	5.653.909.521
Các khoản dự phòng phải trả ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.812.173.355</b>	<b>5.653.909.521</b>

3052  
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1  
 DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ KIỂM TRA TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN  
 NA  
 17-1

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>458.036.159</b>	<b>27.364.070.105</b>	<b>3.451.946.384</b>	<b>1.506.933.026</b>
<i>Lợi nhuận trong năm trước</i>					7.378.602.065
<i>Trích các quỹ từ lợi nhuận</i>			1.471.370.422	342.233.881	(1.813.604.303)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>					(684.467.762)
<i>Tạm chi có tức năm 2010 (10%)</i>					(4.880.530.000)
<i>Tăng khác</i>		294.704.894			
<i>Giảm khác</i>		(458.036.159)			
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>294.704.894</b>	<b>28.835.440.527</b>	<b>3.794.180.265</b>	<b>1.506.933.026</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>294.704.894</b>	<b>28.835.440.527</b>	<b>3.794.180.265</b>	<b>1.506.933.026</b>
<i>Lãi trong năm nay</i>					3.078.557.687
<i>Trích các quỹ từ lợi nhuận</i>			202.712.382	145.193.435	(347.905.817)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>					(290.386.870)
<i>Tạm chia có tức năm 2012 (5%)</i>					(2.440.265.000)
<i>Tăng khác</i>		1.742.892			-
<i>Giảm khác</i>		(294.704.894)			(1.506.933.026)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>1.742.892</b>	<b>29.038.152.909</b>	<b>3.939.373.700</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2012	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	48.805.300.000	100,00%	48.805.300.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>48.805.300.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	48.805.300.000	48.805.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	48.805.300.000	48.805.300.000

d) Cổ phiếu	31/12/2012	01/01/2012
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>4.880.530</b>	<b>4.880.530</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>4.880.530</b>	<b>4.880.530</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.880.530	4.880.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.880.530</b>	<b>4.880.530</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.880.530	4.880.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.923.251.346	4.745.106.018
Doanh thu hợp đồng xây dựng	77.905.228.522	187.721.719.127
<b>Cộng</b>	<b>82.828.479.868</b>	<b>192.466.825.145</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.690.506.199	4.516.634.708
Giá vốn hợp đồng xây dựng	77.002.523.241	174.952.162.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.925.873	(29.129.351)
<b>Cộng</b>	<b>79.698.955.313</b>	<b>179.439.667.503</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.547.353.372	2.046.050.040
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.284.029	252.267.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.537.761.584	9.338.478
<b>Cộng</b>	<b>3.153.398.985</b>	<b>2.307.656.214</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi tiền vay	-	19.182.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.978.491	1.435.787
<b>Cộng</b>	<b>8.978.491</b>	<b>20.618.440</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Bảng tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.873.003.652</b>	<b>9.131.142.639</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	3.536.131	14.717.476
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.536.131	14.717.476
+ Chi phí không được khấu trừ	567.669	9.657.838
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	2.968.462	5.059.638
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận nhận được	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.876.539.783</b>	<b>9.145.860.115</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	969.134.946	2.286.465.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	174.688.981	533.924.455
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>794.445.965</b>	<b>1.752.540.574</b>
<b>6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.078.557.687	7.378.602.065
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.078.557.687	7.378.602.065
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.880.530	4.880.530
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>631</b>	<b>1.512</b>
<b>7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.938.906.001	73.054.347.714
Chi phí nhân công	28.102.728.148	61.269.582.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.124.673.581	3.865.777.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.382.385.202	32.688.176.496
Chi phí khác bằng tiền	5.982.545.991	8.389.590.930
<b>Cộng</b>	<b>96.531.238.923</b>	<b>179.267.475.431</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

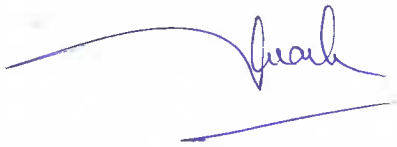
**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Diệp Thuận

Nguyễn Trúc Mai

Nguyễn Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

